

GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG VÀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC KỸ THUẬT CHO VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

TS. BÙI ĐỨC TÚ

Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận

1. Đặt vấn đề

Từ những năm 70 của thế kỉ 20 đến nay, ở nước ta đã có nhiều tác giả nghiên cứu về dạy kĩ thuật, giáo dục nghề nghiệp cho học sinh phổ thông (HSPT), điển hình là các tác giả Phạm Tất Dong, Nguyễn Minh Đường, Đặng Danh Ánh, Phan Văn Kha, Nguyễn Đức Trí, Trần Khánh Đức... Các công trình nghiên cứu đã thể hiện đúng quan điểm giáo dục (GD) của Đảng: Học đi đôi với hành - GD kết hợp với lao động sản xuất - Nhà trường gắn liền với xã hội, chắt lọc những thành quả nghiên cứu ở nước ngoài để áp dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn GD Việt Nam, đặc biệt là việc xây dựng và phát triển hệ thống trung tâm kĩ thuật tổng hợp-hướng nghiệp (KTTH-HN).

Vùng Duyên hải Nam Trung bộ (DHNTB) có nhiều nét đặc thù về KT-XH, chỉ số phát triển con người (HDI) và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thấp hơn so với mặt bằng chung toàn quốc. Nhìn chung, hoạt động giáo dục nghề phổ thông (GDNPT) ở vùng còn nhiều yếu kém, bất cập.

Từ những lí do nêu trên, cần phải tăng cường giáo dục nghề nghiệp cho HSPT đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực kĩ thuật cho vùng DHNTB trong bối cảnh mới.

2. Khái niệm

- *Nghề phổ thông* là những nghề thông dụng phổ biến, có mức độ kĩ thuật tương đối đơn giản; tổ chức dạy học không phức tạp về trang thiết bị và quy trình triển khai; nguyên vật liệu và phế thải kiểm, dễ tạo, rẻ tiền; thời gian học nghề ngắn, chi phí đào tạo ít.

- *Giáo dục nghề phổ thông* là quá trình truyền thụ các tri thức, *kĩ năng nghề nghiệp ban đầu*, đồng thời GD thái độ nghề nghiệp và góp phần định hướng nghề nghiệp cho HSPT.

Hoạt động GDNPT gắn với kinh tế-xã hội (KT-XH) trên cả hai phương diện: Một là, phù hợp với đặc điểm KT-XH từng địa phương, vùng miền; hai là, phải hướng tới phục vụ phát triển KT-XH bằng việc góp phần phát triển nguồn nhân lực theo định hướng phát triển của từng địa phương, vùng miền.

- *Tổ chức hoạt động GDNPT* là sự xác định cơ cấu tổ chức bộ máy nhân sự và triển khai hoạt động, đồng thời xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp và sự vận hành của các thành tố tham gia vào hoạt động GDNPT.

3. Thực trạng hoạt động GDNPT ở vùng Duyên hải Nam Trung bộ

3.1. Đặc điểm KT-XH vùng DHNTB

- Theo Quyết định số 1086/QĐ-TTg, ngày 12 tháng 8 năm 2008, của Thủ tướng Chính phủ về việc

phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng DHNTB đến năm 2025, thì vùng này bao gồm 4 tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận với tổng diện tích tự nhiên là 21.432 km², dân số 3,708 triệu người, dự báo đến năm 2015 khoảng 4,3 triệu người; mô hình dân số trẻ (trong độ tuổi từ 0 đến 35 chiếm khoảng 65 %). Có nhiều dân tộc anh em chung sống, trong đó, người Chăm chiếm tỉ lệ cao nhất toàn quốc.

- Là vùng phát triển kinh tế quan trọng gắn với biển; vùng du lịch đặc trưng về sinh thái biển, với nhiều danh lam thắng cảnh; là trung tâm năng lượng sạch quốc gia với điện hạt nhân, điện gió và điện mặt trời; văn hóa vùng này có nhiều nét đặc thù, nhất là văn hóa Chăm với nhiều tháp cổ và các làng nghề truyền thống. Với những đặc điểm này, quản lí hoạt động GDNPT ở vùng cần tăng cường các nghề liên quan đến du lịch, các nghề truyền thống, quản trị kinh doanh, các nghề mĩ nghệ liên quan đến hải sản và các nghề cơ khí, nhất là nghề hàn, với định hướng phục vụ trong các nhà máy đóng tàu sẽ được đầu tư gần các cảng biển của các tỉnh thuộc vùng DHNTB, để góp phần đáp ứng yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ của toàn vùng trong tương lai; với cường độ nắng và độ mặn nước biển cao (những đặc điểm này cũng cần lưu ý đối với việc trang bị, bảo dưỡng máy móc, thiết bị phục vụ GDNPT theo hướng gắn với KT-XH). Bên cạnh những lợi thế về giao thông, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa đặc thù thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch, là những khó khăn như: Trình độ dân trí, chỉ số HDI và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thấp hơn nhiều vùng khác trong cả nước. Cơ cấu kinh tế ở vùng còn mất cân đối nghiêm trọng; nhiều cơ sở sản xuất thiếu lao động kĩ thuật. Những đặc trưng này đặt ra yêu cầu đối với công tác tổ chức hoạt động GDNPT phải gắn chặt với KT-XH của vùng.

- Hệ thống cơ sở GD-ĐT trên toàn vùng tăng cả số lượng lẫn quy mô ĐT, nhất là lĩnh vực ĐT nghề trong những năm gần đây, là thuận lợi lớn cho việc phân luồng HS trung học nếu chúng ta thực hiện tốt công tác hướng nghiệp nói chung và hoạt động GDNPT nói riêng. Bên cạnh đó, GD-ĐT ở vùng còn những bất cập như: (1) Tỉ lệ HS lưu ban, bỏ học còn cao; (2) CSVC và đội ngũ GV chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới GD PT; (3) tỉ lệ lao động qua ĐT chưa đến 30%; (4) hướng nghiệp, phân luồng HS sau trung học chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến cơ cấu ĐT bất hợp lí; (5) lao động xuất khẩu bị nước ngoài trả về do thiếu tác phong công nghiệp...đang là vấn nạn mà công tác QL hoạt động GDNPT phải quan tâm tới.

3.2. Thực trạng tổ chức hoạt động GDNPT ở vùng DHNTB

3.2.1. *Thực trạng về nhận thức:* Kết quả điều tra cho thấy nhận thức của cộng đồng về ý nghĩa thật sự của hoạt động GDNPT còn nhiều bất cập.

3.2.2. *Về đổi mới nội dung, chương trình GDNPT gắn với KT-XH vùng DHNTB:* Việc cập nhật nội dung mới và các nghề truyền thống trong vùng bị đánh giá rất thấp (66,9% đánh giá yếu). Đến nay, trong danh mục chương trình 11 NPT của Bộ GD-ĐT chưa có các nghề thuộc lĩnh vực dịch vụ du lịch, kinh tế, nghề cơ khí, nghề truyền thống...

Việc lồng ghép GD hướng nghiệp với GDNPT chưa được các cơ sở GDNPT quan tâm đúng mức, vì vậy đa số HS và phụ huynh HS chưa thấy được tầm quan trọng thật sự của hoạt động GDNPT.

3.2.3. *Về việc sử dụng phương pháp giáo dục trong hoạt động GDNPT theo hướng gắn với KT-XH:* Chưa chú trọng đến đổi mới phương pháp theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và tinh thần hợp tác của HS. Các kĩ thuật như "công não", thảo luận nhóm... chưa được các cấp quản lí (QL) yêu cầu, khuyến khích sử dụng để gây hứng thú cho HS học NPT.

3.2.4. *Về tổ chức phát triển đội ngũ GV, CBQL hoạt động GDNPT theo hướng gắn với KT-XH: Có tới 53,8% người được hỏi cho rằng công tác QL hiện nay của các cấp QLGD chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng GDNPT và 21,6% đánh giá chỉ ở mức trung bình. Đặc biệt, công tác QL hiện nay nhằm nâng cao chất lượng GDNPT của đội ngũ GV được đánh giá ở mức thấp nhất (57,7% đánh giá mức yếu, 26,2% đánh giá mức trung bình).*

3.2.5. *Về tổ chức việc học NPT của HS theo hướng gắn với KT-XH địa phương:* HS chủ yếu chọn nghề Tin học văn phòng, Điện dân dụng và Kĩ thuật nấu nướng, trong khi các nghề cơ khí, dịch vụ rất cần cho vùng lại chưa được tư vấn để HS lựa chọn. Việc quản lí HS với số lượng quá đông và từ nhiều nguồn nên rất phức tạp, trong khi đó, lãnh đạo các trường PT hầu như chỉ quan tâm đến các môn văn hóa, ít quan tâm tháo gỡ khó khăn cho mảng hoạt động quan trọng này.

3.2.6. *Về điều kiện, môi trường để tổ chức hoạt động GD NPT theo hướng gắn với KT-XH địa phương:* Mức đầu tư của Nhà nước cho hoạt động GDNPT còn quá bất cập, trong khi hoạt động này tốn kinh phí thực hành rất nhiều. Riêng đối với các trường PT có tổ chức trực tiếp hoạt động này thì gần như chưa có máy móc thiết bị cho HS thực hành, nên các tiết học nghề giống như học môn Công nghệ. Trong khi đó, việc liên kết giữa trường PT, trung tâm KTTH-HN và doanh nghiệp ở vùng chưa được quan tâm khai thác đúng mức.

Phong trào GV tự làm đồ dùng dạy học NPT phù hợp với điều kiện KT-XH vùng là hết sức cần thiết và tính khả thi cao, nhưng thực tế ở vùng DHNTB chưa được các cơ sở GD quan tâm đúng mức.

3.2.7. Nhận định chung

- Về điểm mạnh: Hệ thống trung tâm KTTH-HN phát triển mạnh, trong đó có 3 trung tâm điển hình so với toàn quốc như Trung tâm KTTH-HN Khánh Hòa, Trung tâm KTTH-HN Phan Rang và Trung tâm KTTH-HN Phú Yên. Lãnh đạo sở GD-ĐT có sự quan tâm nhất định tới hoạt động này, trong đó công tác chỉ đạo kì thi cấp chứng chỉ NPT được thực hiện bài bản, bảo đảm kỉ cương, nên HS tham gia học tập khá nghiêm túc, được dư luận đồng thuận. Điển hình về sự quan tâm này ở vùng DHNTB là Sở GD-ĐT Phú Yên.

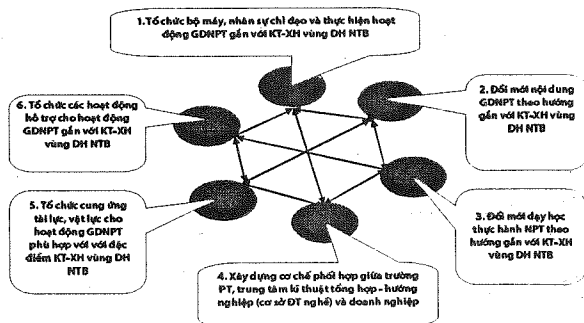
- Về điểm yếu: (1) Việc đổi mới, cập nhật nội dung, chương trình sát với đặc điểm KT-XH địa phương và vùng chưa được quan tâm đúng mức; (2) Phương pháp GDNPT chưa bảo đảm yêu cầu đổi mới GDPT của Bộ GD-ĐT; (3) Đội ngũ CBQL và GV chưa đáp ứng được yêu cầu; (4) Quá ít nghề cho HS lựa chọn và chưa lồng ghép tốt tư vấn hướng nghiệp; (5) Chưa có các biện pháp uốn nắn kịp thời đối với một số cơ sở tổ chức hoạt động này một cách chiếu lệ, đối phó khi chưa đủ điều kiện về CSVC và đội ngũ; (6) Chưa thực hiện tốt mối liên kết giữa trường PT, trung tâm KTTH-HN và doanh nghiệp.

- Về thời cơ: Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước; thị trường lao động rộng mở; chủ trương đổi mới GD của Đảng; nhận thức của các doanh nghiệp trong vùng về trách nhiệm đối với GD-ĐT đã được nâng lên; đặc điểm về KT-XH ở vùng có nhiều thuận lợi trong việc mở các NPT mang tính truyền thống và nghề có lợi thế phát triển ở vùng trong tương lai.

- Về thách thức: Nhận thức của các cấp quản lí GD, và cả cộng đồng về ý nghĩa của hoạt động GDNPT còn quá bất cập; Sự mất cân đối về tỉ lệ HS đăng kí vào học các nghề; mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao chất lượng với mở rộng quy mô GD NPT ở vùng trong điều kiện hầu hết các tỉnh ở vùng có chỉ số phát triển con người (HDI) và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thấp so với mặt bằng chung toàn quốc; mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động GDNPT theo hướng gắn với KT-XH với thực trạng đội ngũ GV dạy NPT vừa thiếu, vừa yếu.

4. Đề xuất một số giải pháp

Để tăng cường hoạt động GDNPT đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực kĩ thuật cho phát triển KT-XH vùng DHNTB, cần phải tiến hành một cách đồng bộ và quyết liệt một số giải pháp sau đây:



Hình 1: Một số giải pháp tổ chức hoạt động GDNPT

5. Một số khuyến nghị

Để thực hiện các giải pháp nêu trên một cách thuận lợi và mang lại hiệu quả thiết thực, chúng tôi xin đưa ra một số khuyến nghị sau đây:

5.1. Với Bộ Giáo dục và Đào tạo: Về tên gọi, nên thống nhất là “hoạt động GDNPT” chung cho cả cấp học THCS, thay cho việc gọi “dạy NPT” ở cấp này như hiện nay vốn không đúng với tinh thần GD định hướng nghề nghiệp cho HS. Cần đổi mới chương trình dạy NPT theo hướng lồng ghép hoạt động GDNPT với hoạt động GDHN. Chỉ đạo các sở GD-ĐT để ban hành Danh mục chương trình NPT cho từng vùng miền trong cả nước. Cần tích cực phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ để điều chỉnh mức phụ cấp chức vụ cho CBQL trung tâm KTTH-HN ngang với CBQL trường THPT. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội để liên thông Chứng chỉ NPT với các chứng chỉ nghề ngắn hạn, dài hạn.

5.2. Với Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh thuộc vùng ĐHNTB: Tham mưu với UBND tỉnh về việc xúc tiến xây dựng và đi vào hoạt động các trung tâm KTTH-HN hoặc trung tâm GDTX-HN ở những huyện còn trống trung tâm KTTH-HN. Cần có thang điểm đánh giá thi đua cuối mỗi năm học đối với các đơn vị trực thuộc về tiêu chí nhiệm vụ QL hoạt động GDNPT.

Cần tăng cường và chủ động trong công tác ĐT, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ GV, CBQL tham gia hoạt động GDNTP.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Quốc Bảo – Bùi Đức Tú, *Mối liên kết giữa trung tâm hướng nghiệp dạy nghề với doanh nghiệp*, Tạp chí KH & CN, ĐH Đà Nẵng, số 2/2007.
2. Nguyễn Minh Đường, *GD nghề nghiệp trong bối cảnh Việt Nam là thành viên WTO – Cơ hội và thách thức*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 23/2007.
3. Phan Văn Kha, *Mối quan hệ giữa ĐT với sử dụng nhân lực: Khái niệm, nội dung và cơ chế*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 16/2007.
4. Đặng Danh Ánh, *Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp – Cơ sở GD quan trọng để định hướng nghề nghiệp cho HS PT*, Kí yếu hội thảo KH Định hướng nghề nghiệp cho HS PT các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, 2008.
5. Bùi Đức Tú, *GD NPT trong bối cảnh hội nhập quốc tế và những thách thức đặt ra*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 33/2008.

SUMMARY

The author presents the actual status of general job training in South Central Coast region, whereby to recommend some key solutions aimed at enhancing general job training activities at the satisfaction of demands for technical human resources in the interest of socio-economic development in this region in the new context.

MÔ HÌNH NHÀ TRƯỜNG TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC... (Tiếp theo trang 41)

là trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ.

Kết luận

Hệ thống và mô hình nhà trường GDNN ở nước ta đã hình thành và phát triển đa dạng, phong phú trong giai đoạn hiện nay, góp phần tích cực cho việc nâng cao trình độ lao động qua ĐT phục vụ sự phiệp phát triển KT-XH của đất nước. Bên cạnh sự đa dạng, phong phú đó, nhà trường GDNN cũng thể hiện những bất cập trong cơ cấu ĐT, mô hình quản lí và cơ chế hoạt động. Mô hình quản lí hệ thống và quản lí bên trong nhà trường GDNN cùng với cơ chế hoạt động cũng bị chi phối bởi tính thiếu thống nhất, công kênh và phức tạp của mô hình nhà trường, đã gây mất cân đối, thiếu đồng bộ trong sự phát triển của mạng lưới cơ sở GDNN dẫn đến việc không xây dựng được mô hình quản lí thống nhất đối với hệ thống nhà trường GDNN, làm cho hiệu quả quản lí không cao, không phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Một vấn đề cấp thiết đặt ra là cần xây dựng được mô hình nhà trường GDNN mới góp phần phát triển nguồn nhân lực có kĩ thuật cao về số lượng và chất lượng, thúc đẩy phát triển KT-XH, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế, đồng thời, phải có các giải pháp đổi mới quản lí

chất lượng nhà trường trong cơ chế thị trường và trong tiến trình hội nhập một cách hệ thống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chương trình hành động của Bộ GD & ĐT giai đoạn 2011-2016 thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07/3/2012 của Chính phủ.*
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
4. *Luật Giáo dục số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục 2005.*
5. Nguyễn Đức Trí, *Giáo dục nghề nghiệp – Một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Giáo dục, 2010.

SUMMARY

The article touches on the school model in professional education system in Vietnam. Its author provides an overview on the development of school system and some characteristics of school model for professional education in our country.